

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục
mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn
có khu công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ
trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình
dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm
tra số 169/BC-HĐND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội,
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn cấp huyện có khu công nghiệp; trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn cấp huyện có khu công nghiệp.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.



2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn cấp huyện có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn cấp huyện có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

Điều 2. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

1. Cơ sở giáo dục mầm non quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: Trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

- Mức hỗ trợ: 20.000.000 đồng/cơ sở.

- Thời gian hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần/cơ sở.

2. Đối với đối tượng thuộc điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này:

Hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng, tính theo số tháng học thực tế, không quá 09 tháng/năm học.

3. Đối với đối tượng thuộc điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này:

Hỗ trợ 800.000 đồng/tháng/giáo viên, tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng tối đa không quá 09 tháng/năm học.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Bảy thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: GD&ĐT; TC;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQ VN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk. Đài PTTH tỉnh, TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa